

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Văn Bi;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số 119, đường DX 27, tổ 19 khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh D; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Lê Minh H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện B, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim C có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, trình bày:

Bà Lê Thị Kim C và ông Lê Minh H tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh D vào ngày 02/5/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn sau khi sinh con thứ hai, vợ chồng thường xuyên có lời qua, tiếng lại do ông H không lo làm ăn để chăm lo cho kinh tế của gia đình, ông H nhiều lần có lời lẽ xúc phạm bà C, từ mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; được Tòa án động viên bà C và ông H hứa sửa chữa khuyết điểm về sống chung nhưng đến năm 2019, lại tiếp tục

mâu thuẫn như trên, bà C bỏ về với cha mẹ ruột tại phường P, thành phố T sinh sống. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không chịu thay đổi, không thăm nom hay phụ giúp bà C chăm sóc con chung.

Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống theo bà C khai do mất niềm tin với nhau, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh H.

Khi ly hôn, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên Lê Hải Y, sinh ngày 29/6/2013 và Lê Hải Q, sinh ngày 18/10/2018; bà C không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn đến để lấy lời khai và tiến hành hòa giải nhưng ông H không đến nên Tòa án lập biên bản hòa giải không được. Tòa án tiến hành thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông H nhưng ông không đến nên không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H cũng không đến Tòa án để làm việc. Tại biên bản xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Công an xã T, huyện B cho biết: Ông Lê Minh H có đăng ký thường trú tại ấp 5, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh D, ông H còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng thường xuyên vắng mặt không đến theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã tiếp tục thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và có thông báo cho ông H biết việc bà Lê Thị Kim C nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông H cũng không có ý kiến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã T và nơi cư trú của bị đơn nhưng đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn ông Lê Minh H không có văn bản chấp nhận hay phản đối đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và không thông báo lý do vắng mặt.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Lê Minh H đã được Tòa án lấy lời khai và tổng đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, UBND xã T và trụ sở Tòa án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Lê Minh H hiện đang cư trú tại ấp 5, xã T, huyện B nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Minh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn, Tòa án tổ chức lấy lời khai và hòa giải nhưng ông H cũng không đến làm việc. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản tố tụng cho bị đơn và tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đồng ý hay phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của nguyên đơn, cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Bà Lê Thị Kim C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà Lê Thị Kim C.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim C với ông Lê Minh H sống chung có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà C khai, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian chung sống nguyên nhân do ông H không lo làm ăn, vợ chồng lời qua tiếng lại nhiều lần, ông H không lo cho kinh tế của gia đình, một mình bà C phải đi làm để nuôi con, ông H còn có lời lẽ xúc phạm bà C, do mâu thuẫn ngày càng gay gắt, trầm trọng nên năm 2019, bà C đã bỏ về với cha mẹ ruột sống. Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H để được tự do làm ăn, sinh sống, nuôi con.

[6] Ông H không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xét thấy bị đơn không có thiện chí mong muốn hòa giải để trở về đoàn tụ gia đình. Qua xác minh tại địa phương thì ông H đang có mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án thông báo về việc bà C nộp đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng ông H vẫn không đến, Tòa án tiếp tục niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án để tham gia hòa giải là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Qua thẩm tra các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều không mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim C về việc

ly hôn với ông Lê Minh H, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về con chung: Xét thấy, cháu Lê Hải Y, sinh ngày 29/6/2013 và Lê Hải Q, sinh ngày 18/10/2018 hiện đang sống cùng bà C. Căn cứ nguyện vọng của Yến xin được sống với bà C; riêng cháu Lê Hải Q, sinh ngày 18/10/2018 còn nhỏ theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án quyết định giao 02 cháu cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

[9] Về người cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà C không có yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ, phù hợp với đạo đức và pháp luật nhưng bà C tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[11] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

ì các trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, Điều 71; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Kim C đối với ông Lê Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim C được ly hôn với ông Huỳnh Thanh Tú.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với 02 con chung là Lê Hải Y, sinh ngày 29/6/2013 và Lê Hải Q, sinh ngày 18/10/2018. Ông Lê Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị Kim C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H. Vì quyền và lợi

ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0031242 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bồ Quốc Khánh

Đỗ Ngọc Lợi Nguyễn Mạnh Hùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Đào

Võ Phi Anh Toàn

Hồ Thế Chính

